TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng; bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022, số 164/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022, số 202/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2022; số 205/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/10/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 07/11/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Đào Văn Th**, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Th, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương

Hiện đang sinh sống và làm việc tại: Số 93 tầng 7 đoạn 3, đường M, khu V, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn anh Đào Văn Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G (nay là thành phố H, tỉnh Hải Dương) 18/3/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh Th. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến tháng 4/2017, chị

H đi nước ngoài lao động, thời gian đầu chị H thỉnh thoảng có liên lạc về nhưng từ tháng 8/2018 chị H cắt đứt liên lạc với anh. Do cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc nên vào tháng 6/2021 anh có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết ly hôn, được gia đình khuyên giải nên sau đó anh lại rút đơn về để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng quan hệ hôn nhân không được cải Th. Nay anh xác định thời gian anh chị sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Đào Thị Hải Y- sinh ngày 26/4/2000 và Đào Văn Thiên - sinh ngày 11/5/2003, hiện các con chung đã trưởng thành nên anh không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau này khi chị H về nước, anh sẽ đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong vụ án khác. Vợ chồng anh chị không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Đào Thị T (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị H) ngày 16/8/2022 thể hiện: Chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng chị H thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết. Theo bà nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác, năm 2021 anh Th có làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn về. Kể từ thời điểm đi nước ngoài đến nay, chị H chưa về nước nên anh chị không có biện pháp gì để cải Th quan hệ vợ chồng. Chị H biết việc anh Th làm đơn xin ly hôn nhưng chưa đồng ý vì không muốn con cái khổ. Ngày 22/8/2022, ông Nguyễn Hữu D và bà Đào Thị T (bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H) có đơn đề nghị gửi Tòa án với nội dung: Chị H vẫn đang sinh sống tại Đài Loan nhưng đã không còn làm việc tại địa chỉ trong Hợp đồng xuất khẩu lao động mà anh Th cung cấp cho Tòa án. Ông bà chỉ biết chị H đang làm việc tại vùng núi, còn địa chỉ mới cụ thể như thế nào thì gia đình không biết. Đối với biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2022, bà Tuấn cho rằng do là phụ nữ không hiểu biết và quá bất ngờ nên bà không nhớ đã trình bày nội dung gì, có đúng hay không, bà cũng không được xem lại nội dung biên bản nên không biết ghi thế nào. Ông bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th mà đợi gia đình liên lạc được với chị H hoặc chị H về nước thì mới giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh Đào Văn Th và chị Nguyễn Thị H kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, vợ chồng bảo ban nhau làm ăn. Sau khi chị H đi lao động tại Đài Loan thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mỗi người một nơi, không có sự tin tưởng nhau. Nay anh Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Anh Th xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th đã chấm dứt từ lâu, do vậy giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX giải quyết cho anh ly hôn chị Th theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Th được ly hôn chị H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Anh Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đào Văn Th sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Th, xã L, huyện Gia Lộc (nay là thành phố H, tỉnh H), hiện đang lao động tại Đ-Trung Quốc. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đào Văn Th cung cấp địa chỉ duy nhất của chị Nguyễn Thị H tại: Số 93 tầng 7 đoạn 3, đường M, khu Văn S, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). Gia đình ông Nguyễn Hữu D và bà Đào Thị T (bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H) xác định chị H vẫn đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không còn làm việc tại địa chỉ mà anh Th cung cấp cho Tòa án, ông bà cũng không cung cấp được địa chỉ nào khác của chị H ở nước ngoài. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Văn phòng Kinh tế- Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến thời gian xét xử, Tòa án không nhận được kết quả của việc ủy thác tư pháp. Tòa án nhân dân tỉnh H đã có công văn số 226/2022/CV-TA ngày 28/7/2022 và công văn số 25/2022/CV-TA ngày 20/9/2022, gửi Văn phòng Kinh tế- Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc đề nghị thực hiện ủy thác tư pháp đồng thời niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Nhưng đến nay đã hết thời hạn 03 tháng Tòa án không nhận được kết quả trả lời. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Th có mặt, bị đơn chị H vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn Th và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Ủy ban nhân dân xã L,

huyện Gia Lộc (nay là thành phố H, tỉnh Hải Dương) 18/3/1999, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết anh chị chung sống với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Một thời gian sau khi chị H đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) thì vợ chồng chấm dứt liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, bà Đào Thị Tuấn (mẹ đẻ chị H) cũng xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nhưng chị H chưa đồng ý ly hôn vì không muốn con cái khổ, mặc dù năm 2021 anh đã rút đơn ly hôn về nhưng không có biện pháp gì để cải Th quan hệ vợ chồng. Toàn bộ quá trình làm việc với gia đình bà Tuấn đều có sự chứng kiến của ông Lê Ngọc M là trưởng thôn T, xã Th, huyện Thanh Hà, các nội dung mà bà Tuấn trình bày được ghi trung thực, khách quan trong biên bản, bà Tuấn được đọc lại toàn bộ nội dung, công nhận biên bản ghi đúng ý kiến mình trình bày trước khi ký. Do vậy, việc bà Tuấn cho rằng vì là phụ nữ không hiểu biết, bà cũng không được xem lại nội dung biên bản nên không biết nội dung biên bản, như vậy là không đúng thực tế. Hơn nữa, lời khai của bà Tuấn chỉ là một trong các chứng cứ giải quyết vụ án, không phải là chứng cứ duy nhất, quyết định việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ thực trạng quan hệ hôn nhân giữa anh Th, chị H thông qua lời khai của anh Th, quan điểm của địa phương nơi các đương sự sinh sống và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu không ai quan tâm tới ai. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Th ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Đào Văn Th và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là Đào Thị Hải Y- sinh ngày 26/4/2000 và Đào Văn Thiên - sinh ngày 11/5/2003, hiện các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh Đào Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Đào Văn Th** ly hôn chị **Nguyễn Thị H**.

2. Về án phí: Anh Đào Văn Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004561ngày 22/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đào Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã L, TP H, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân